



Án dân sự bị xử đi xử lại nhiều lần:

Chủ yếu là do

Đánh giá CHỨNG CỨ sai

Xuân Bách

Chứng cứ: Chế định pháp lý quan trọng trong tố tụng

Bộ Luật Tố tụng Dân sự (TTDS) có hiệu lực từ ngày 01/01/2003. Trải qua hơn 3 năm thực hiện theo các nguyên tắc và điều luật được quy định chặt chẽ trong BLTTDS nhưng việc áp dụng pháp luật của Tòa án trong xác định chứng cứ vẫn còn nhiều vấn đề bất cập. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu đến quý vị vấn đề nhạy cảm nhất về hình thức và có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết bản chất của một vụ án dân sự. Đó là vấn đề chứng minh và chứng cứ.

Chương chứng minh và chứng cứ gồm có 20 điều (từ Điều 78 đến Điều 97) là

một chương quan trọng nhất trong BLTTDS. Bao trùm lên toàn bộ chương này thể hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, cơ quan, tổ chức khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự. Đồng thời cũng thể hiện quyền hạn và trách nhiệm của Tòa án trong vấn đề xác định chứng cứ trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp dân sự.

Sở dĩ chúng tôi cho đó là vấn đề quan trọng bậc nhất vì: Một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự là quyền tự định đoạt của các đương sự. Sau khi ý chí của người đi kiện được thể hiện trong các đơn kiện nộp tại Tòa án thì người đi kiện có quyền và phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ đầy đủ phục vụ cho việc kiện

của mình. Nếu bất kỳ đương sự nào không nộp hoặc nộp không đầy đủ chứng cứ cho Tòa án thì cũng phải chịu hậu quả của việc không nộp hoặc nộp không đầy đủ đó. Do đó, giao nộp cung cấp chứng cứ thể hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự trong chứng minh và chứng cứ.

BLTTDS năm 2005, đã thể hiện tính ưu việt của mình với nguyên tắc đề cao sự tự định đoạt của các đương sự bằng các qui định về hoà giải, hoà thuận, bằng việc qui định Tòa chỉ xác minh những chứng cứ, tài liệu do đương sự xuất trình mà không tự đi điều tra. Trừ những trường hợp đương sự yêu cầu.

Các tranh chấp trong dân sự càng nhiều. Các đương sự ngày càng biết cách bảo vệ quyền lợi của mình khi thu thập, cung cấp cho Tòa án các chứng cứ có lợi cho việc khiếu kiện của mình và bảo vệ mình quyền lợi của mình khi bị người khác khởi kiện. Tuy vậy trách nhiệm của toà trong việc xác định chứng cứ lại là vấn đề cần được quan tâm hơn cả.

Bởi vì suy cho cùng Tòa là cơ quan đứng ra hoà giải, phân xử tranh chấp giữa các bên đương sự. Để làm tốt công việc của mình, toà cần nắm vững và đánh giá chính xác chứng cứ, tài liệu của các bên đương sự cung cấp từ đó mới có thể đưa ra được những phán quyết khách quan, công bằng khiến cho người dân tâm phục, khẩu phục.

Tuy nhiên vấn đề cung cấp chứng cứ vẫn chưa được cá nhân, tổ chức, cơ quan khởi kiện coi trọng đúng mực, chưa được các cấp Tòa yêu cầu cung cấp đầy đủ hoặc việc thu thập tại Tòa cũng chưa được tiến hành triệt để vì vậy vẫn dẫn đến tình trạng tình ngay lý gian... Dân bức xúc khiếu kiện nhiều.



Nhiều vụ án phải xét xử nhiều lần vì đánh giá chứng cứ chưa chính xác

(Ảnh minh họa)

Vi phạm trong việc xác định chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng tố tụng

Tại khoản 1 Điều 83 BLTTDS về xác định chứng cứ qui định: Các tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Tại khoản 2 điều 84 BLTTDS qui định rõ trách nhiệm của Tòa án trong việc tiếp nhận chứng cứ. Tòa án phải lập biên bản về việc giao nhận chứng cứ. Trong biên bản phải ghi rõ tên gọi, hình thức, nội dung, đặc điểm của chứng cứ, số bản, số trang của tài liệu chứa đựng chứng cứ, thời gian nhận, chữ ký hoặc điểm chỉ của người giao nộp, chữ ký của người nhận và đóng dấu của Tòa án. Biên bản phải lập thành 2 bản, một bản lưu giữ trong hồ sơ vụ việc dân sự và một bản giao cho đương sự nộp chứng cứ giữ. Sở dĩ việc giao nộp chứng cứ phải làm theo thủ tục chặt chẽ như vậy là nhằm đảm bảo cho tài liệu không bị đánh tráo, giả mạo, sửa chữa, thất lạc hoặc hành vi thủ tiêu chứng cứ...

Quy định chặt chẽ như vậy, nhưng trên thực tế vẫn còn những sai sót từ việc đánh giá chứng cứ dẫn đến xử sai và bị kháng nghị huỷ án. Thực tế đánh giá chứng cứ sai, thiên vị đánh giá không khách quan trong các vụ án dân sự hiện nay không phải là hiếm. Vậy nên mới có những vụ án bị xử đi xử lại nhiều lần qua nhiều cấp xử, thời gian kéo dài 10 năm, thậm chí còn hơn nữa mà không có hồi kết. Dưới đây là một ví dụ cụ thể:

Bà Nguyễn Thị N kiện ông Ngô Văn chiếm đất của bà, theo bà N thì nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ ông Văn cho bố mẹ bà, trên đất có 05 ngôi mộ của người thân trong gia đình bà, mẹ bà đã kê khai tại địa chính xã. Lợi dụng lúc bà đi làm ăn xa, ông Văn đã cho người là ông M và bà C thuê và làm nhà ở trên diện tích đất đó. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại quyền lợi chính đáng của gia đình bà.

Tại bản án sơ thẩm, TAND huyện Đ tỉnh B đã áp dụng Điều 136 Luật đất đai; Điều 714; 716; khoản 3 Điều 131; Điều 136 Bộ luật dân sự, xử vô hiệu hợp đồng thuê QSDĐ giữa ông Ngô Văn với ông M và bà C, chấp nhận yêu cầu của bà



Một phiên tòa giả định của sinh viên Đại học Luật TP. HCM

Nguyễn Thị N, buộc ông Ngô Văn trả cho bà 359,9m² đất thổ cư.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Ngô Văn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm, TAND tỉnh B đã căn cứ khoản 2 điều 275 BLTTDS; khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai xử: chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn, sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của huyện Đ, theo đó quyết định

1. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N kiện đòi ông Ngô Văn diện tích đất là 359,9m² tại thửa số 1179, tờ bản đồ số 13.

2. Công nhận ông Ngô Văn có quyền sử dụng diện tích 359,9m².

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà N có đơn khiếu nại yêu cầu TANDTC kháng nghị bản án phúc thẩm của TAND tỉnh B. Bà cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ bà để lại theo hồ sơ đăng ký địa chính do mẹ bà đứng tên. Do hoàn cảnh khó khăn năm 2000 gia đình bà đi làm thuê. Đến năm 2002 về thăm nhà thì phát hiện ông Văn đã cho người khác thuê đất và làm nhà trên diện tích đất đó.

Bản án phúc thẩm nói trên đã bị Chánh án TANDTC Kháng nghị yêu cầu Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm xét xử theo hướng huỷ bản án phúc thẩm nói trên giao cho TAND tỉnh B xác minh, thu thập chứng cứ và xét xử phúc thẩm lại với lý do:

Tòa án phúc thẩm đã căn cứ vào các giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (BL 49, BL 53), để không chấp nhận yêu cầu kiện đòi đất của bà N. Nhưng các giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó đều là bản photocopy do bị đơn cung cấp và bên nguyên đơn không thừa nhận thể hiện tại biên bản phiên tòa sơ phúc thẩm và BL 60, 61 (bà Nguyễn Thị N không thừa nhận các giấy tờ đó và yêu cầu ông Văn xuất trình bản gốc), mà không có cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào xác nhận là vi phạm khoản 1 Điều 83 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định chứng cứ.

Qua đó chúng ta có thể thấy vi phạm trong việc xác định Chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng tố tụng vì khi xác định chứng cứ sai sẽ làm ảnh hưởng đến tính khách quan và kết quả giải quyết toàn bộ vụ án.

Xác định được tầm quan trọng của việc cung cấp và đánh giá chứng cứ, TANDTC cũng đã có hướng dẫn tỉ mỉ tại Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐTP ngày 17/9/2005 về "Chứng minh và chứng cứ" đồng thời cũng có các mẫu về giao nhận chứng cứ... Đây là văn bản luật rất quan trọng không chỉ đối với Thẩm phán khi xét xử mà công dân, đương sự cũng rất cần tìm hiểu và nắm vững các Hướng dẫn tại Nghị quyết này để việc khởi kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình được tốt hơn. ■